

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21-3-2018

V/v tranh chấp HNGĐ về ly

hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Trường.

2. Bà Dương Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Ông Cao Tấn D, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bà C có mặt, ông D có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23-01-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày: Bà và ông Cao Tấn D tự tìm hiểu rồi chung sống với nhau vào năm 1989, hôn nhân tự nguyện nhưng suốt thời gian chung sống

hai ông bà không có đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hai ông bà chung sống hạnh phúc, đến năm 1997 thì xảy phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày nên hai ông bà thường xuyên gây gổ cãi vã nhau dẫn đến ly thân từ năm 1998 đến nay, trong thời gian ly thân hai ông bà không hàn gắn được. Xét thấy tình trạng trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung tên Cao Tấn T, sinh năm 1990, mất năm 2010 và Cao Thị H, sinh ngày: 23-4-1992, hiện đã thành niên, đã có gia đình riêng nên ông bà thống nhất không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông D không có nợ chung.

Bị đơn ông Cao Tấn D đã khai: Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống, ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn như bà C trình bày là đúng. Xét thấy tình cảm không còn nên ông cũng chấp nhận ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông và bà C có hai con chung như bà C trình bày là đúng, Cao Tấn T mất năm 2010 và Cao Thị H đã có gia đình riêng nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà C không có nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị C và ông Cao Tấn D là vợ chồng. Con chung đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, bà C và ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung, ông bà thống nhất không có nên không đặt ra giải quyết. Án phí bà C chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết, bị đơn ông Cao Tấn D có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Cao Tấn D chung sống với nhau như vợ chồng và có đủ điều kiện kết hôn nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay bà C và ông D không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của ông bà không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy cần tuyên bố không công nhận bà Trần Thị C và ông Cao Tấn D là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà C và ông D có 02 con chung tên Cao Tấn T, sinh năm 1990, mất năm 2010 và Cao Thị H, sinh ngày: 23-4-1992 thành niên nên không đặt ra giải quyết việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Về tài sản chung: Bà C và ông D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà C và ông D thống nhất trình bày không có, nên không đặt ra giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị (nêu trên) phù hợp có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị C phải chịu án phí theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Thị C và ông Cao Tấn D là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Trần Thị C và ông Cao Tấn D có 02 con chung tên Cao Tấn T, sinh năm 1990, mất năm 2010 và Cao Thị H, sinh ngày: 23-4-1992 đã thành niên nên không đặt ra xem xét việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị C và ông Cao Tấn D không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị C và ông Cao Tấn D trình bày không có, nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí: Bà Trần Thị C chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân gia đình, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0021263 ngày 24-01-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Án phí bà C đã thi hành xong.

6.Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Mai